TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN DƯƠNG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **03**/2024/QĐST-DS	*Sơn Dương, ngày 28 tháng 02 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 20 tháng 02 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 12/2024/TLST-DS ngày 29 tháng 01 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đỗ Đình T, sinh ngày 09/4/1964;

Địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Văn C, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị N, sinh năm 1977

Địa chỉ: Thôn M, xã V, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về nghĩa vụ trả nợ:

- Bà Trần Thị N có nghĩa vụ thanh toán cho ông Đỗ Đình T tổng số tiền gốc và lãi là 1.451.544.000đ (Một tỷ bốn trăm năm mươi mốt triệu năm trăm bốn mươi bốn nghìn đồng), trong đó nợ gốc là 1.083.000.000đ (Một tỷ không trăm tám mươi ba triệu đồng) và tiền lãi là 368.544.000đ (Ba trăm sáu mươi tám triệu năm trăm bốn mươi bốn nghìn đồng). Thời hạn trả nợ từ năm 2024 đến hết năm 2029. Thời hạn trả nợ cụ thể như sau:

+ Lần 1: chậm nhất ngày 10/3/2024 bà Trần Thị N có trách nhiệm trả cho ông Đỗ Đình T số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng);

+ Lần 2: chậm nhất ngày 30/9/2024 bà Trần Thị N có trách nhiệm trả cho ông Đỗ Đình T số tiền là 141.924.000đ (Một trăm bốn mươi mốt triệu chín trăm hai mươi tư nghìn đồng);

+ Lần 3: chậm nhất ngày 29/6/2025 bà Trần Thị N có trách nhiệm trả cho ông Đỗ Đình T số tiền là 120.962.000đ (Một trăm hai mươi triệu chín trăm sáu mươi hai nghìn đồng);

+ Lần 4: chậm nhất ngày 30/12/2025 bà Trần Thị N có trách nhiệm trả cho ông Đỗ Đình T số tiền là 120.962.000đ (Một trăm hai mươi triệu chín trăm sáu mươi hai nghìn đồng);

+ Lần 5: chậm nhất ngày 29/6/2026 bà Trần Thị N có trách nhiệm trả cho ông Đỗ Đình T số tiền là 120.962.000đ (Một trăm hai mươi triệu chín trăm sáu mươi hai nghìn đồng);

+ Lần 6: chậm nhất ngày 30/12/2026 bà Trần Thị N có trách nhiệm trả cho ông Đỗ Đình T số tiền là 120.962.000đ (Một trăm hai mươi triệu chín trăm sáu mươi hai nghìn đồng);

+ Lần 7: chậm nhất ngày 29/6/2027 bà Trần Thị N có trách nhiệm trả cho ông Đỗ Đình T số tiền là 120.962.000đ (Một trăm hai mươi triệu chín trăm sáu mươi hai nghìn đồng);

+ Lần 8: chậm nhất ngày 30/12/2027 bà Trần Thị N có trách nhiệm trả cho ông Đỗ Đình T số tiền là 120.962.000đ (Một trăm hai mươi triệu chín trăm sáu mươi hai nghìn đồng);

+ Lần 9: chậm nhất ngày 29/6/2028 bà Trần Thị N có trách nhiệm trả cho ông Đỗ Đình T số tiền là 120.962.000đ (Một trăm hai mươi triệu chín trăm sáu mươi hai nghìn đồng);

+ Lần 10: chậm nhất ngày 30/12/2028 bà Trần Thị N có trách nhiệm trả cho ông Đỗ Đình T số tiền là 120.962.000đ (Một trăm hai mươi triệu chín trăm sáu mươi hai nghìn đồng);

+ Lần 11: chậm nhất ngày 29/6/2029 bà Trần Thị N có trách nhiệm trả cho ông Đỗ Đình T số tiền là 120.962.000đ (Một trăm hai mươi triệu chín trăm sáu mươi hai nghìn đồng);

+ Lần 12: chậm nhất ngày 30/12/2029 bà Trần Thị N có trách nhiệm trả cho ông Đỗ Đình T số tiền là 120.962.000đ (Một trăm hai mươi triệu chín trăm sáu mươi hai nghìn đồng);

Trường hợp bà Trần Thị N vi phạm bất kỳ thời hạn trả nợ nào nêu trên thì ông Đỗ Đình T có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án thi hành đối với toàn bộ số tiền mà bà Trần Thị N phải trả.

Khoản tiền phải trả kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu bà Trần Thị N chậm trả thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

* Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của toàn bộ vụ án là 55.546.320đ (Năm mươi lăm triệu năm trăm bốn mươi sáu nghìn ba trăm hai mươi đồng), làm tròn là 55.546.000đ (Năm mươi lăm triệu năm trăm bốn mươi sáu nghìn đồng).

Chia ra, ông Đỗ Đình T phải chịu 27.773.000đ (Hai mươi bảy triệu bảy trăm bảy ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 27.773.000đ (Hai mươi bảy triệu bảy trăm bảy ba nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001298 ngày 29/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Ông Đỗ Đình T đã nộp đủ án phí.

Bà Trần Thị N phải chịu 27.773.000đ (Hai mươi bảy triệu bảy trăm bảy ba nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- THADS huyện Sơn Dương;
- Các đương sự;
- Lưu.

Lê Tuấn Linh